

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2019/HS-ST

Ngày 06 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: : Ông Lưu Minh Phú và bà Nguyễn Thị Kim Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Bình Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo: Nguyễn Anh S (tên gọi khác O), sinh năm 1985. Hộ khẩu thường trú : Tổ x, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh G, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; Vợ Lưu Thị Thùy D, sinh năm 1994, con: có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Quá trình hoạt động bản thân: Ngày 21/6/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Phúc Yên ra Quyết định số 1228/QĐ - CT áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời hạn 12 tháng tại Trung tâm Giáo dục - LĐXH tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 24/6/2014 chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 đến nay, có mặt.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1994, vắng mặt.

Địa chỉ: Phòng xxx, chung cư T, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lưu Thị Thùy D, sinh năm 1991, có mặt

Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Ông Dương Đình T, sinh năm 1964, vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Vũ H, vắng mặt

- Anh Nguyễn Đức V, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh S là nhân viên làm việc theo hợp đồng của Công ty N từ ngày 01/02/2016, được phân công làm việc tại cửa hàng N3, có địa chỉ tại phường H, thành phố P. S có quen biết với anh Nguyễn Vũ H là chủ quán bia ở khu đô thị Đ, thuộc phường P, thành phố P và chị Lê Thị Hoài P là nhân viên thu ngân của quán bia. Tháng 3 năm 2018, chị P có mua tại cửa hàng N3 một chiếc xe máy điện nhãn hiệu TAKUDAS, đăng ký biển kiểm soát 88MĐ8-xxx.xx mang tên chính chủ chị P và được hưởng chế độ bảo hành, chăm sóc khách hàng tại đây. Chị P thường liên hệ với S để sửa chữa, bảo dưỡng xe. Ngày 06/4/2019 chiếc xe máy điện của chị P bị hỏng khóa cốp, chị P gọi điện cho S báo bị hỏng khóa cốp và nói với S là khi nào lấy xe để mang đi sửa thì đến quán bia vì chị P để xe ở đó. Khoảng 14 giờ 00 ngày 07/4/2019, S đi đến quán bia để lấy xe của chị P đem đi sửa nhưng không gặp chị P. S gọi điện cho chị P thì chị P nói xe để ngoài cửa, chìa khóa gửi anh Nguyễn Đức V nhân viên quán bia. S đi vào quán lấy chìa khóa xe từ anh Nguyễn Đức V ra kiểm tra xe thì thấy xe bị hỏng khóa cốp. S gọi điện cho chị P nói “Lấy xe rồi nhé” và hẹn chị P đến ngày 09/4/2019 sẽ trả xe. Sau đó, S đi xe của chị P về để ở nhà mình nhưng không sửa chữa gì. Sáng ngày 08/4/2019, do cần tiền nên S đã đem chiếc xe máy điện của vợ S là chị Lưu Thị Thùy D (xe có đặc điểm giống với xe của chị P nhưng chưa đăng ký và chưa có biển kiểm soát) đến gặp ông Dương Đình T để vay của ông T số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và gửi lại chiếc xe máy điện của vợ S. Do quen biết nên hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền này S đã chi tiêu hết. Đến buổi chiều cùng ngày, S điều khiển chiếc xe máy điện của chị P để đi đón vợ thì chị D hỏi “Xe nhà mình đâu”, S nói “Xe anh đổi cho P, anh đem xe P về sửa”. Chị D không đồng ý và yêu cầu S phải mang xe của chị D về. S

này sinh ý định đem chiếc xe của chị P đến thế vào chiếc xe máy điện của vợ để mang xe về trả cho vợ, đến khoảng 19 giờ cùng ngày, S điều khiển chiếc xe máy điện của chị P đến chỗ ông T để đổi xe. Khi đến nơi gặp ông T, S nói với ông T cho đổi xe thì được ông T đồng ý nên S đã để chiếc xe máy điện của chị P lại và đi chiếc xe của chị D về nhà. Sáng ngày 09/4/2019, chị P gọi điện cho S để lấy xe thì S tắt máy không liên lạc được. Chị P cùng anh H đi ra cửa hàng N3 để lấy xe nhưng không có xe ở đó và được biết S đã nghỉ làm ở đây. Chị P và anh H gọi điện cho S nhiều lần nhưng không liên lạc được. Đến tối cùng ngày, chị P nhắn tin cho chị D “Chị bảo anh S gọi lại cho em nếu không em ra công an trình báo” thì S gọi điện cho chị P nói “Xe của em anh sửa ở Nhung Hồng 6” và hẹn chị P đến chiều ngày 10/4/2019 sẽ trả xe cho chị P. Chị P ra cửa hàng Nhung Hồng 6 nhưng không thấy có xe ở đó, gọi điện cho S không được nên chị đã nhắn tin cho chị D bảo chị D nhắn S trả xe cho chị. Tối ngày 10/4/2019, S gọi điện cho anh H nói đã cầm cố chiếc xe máy điện của chị P và hẹn chiều ngày 11/4/2019 sẽ trả xe cho chị P. Anh H nói lại với chị P nhưng do S đã sai hẹn nhiều lần nên chị P không đồng ý. Sáng ngày 11/4/2019, chị P gọi cho S bảo S đến Công an phường Phúc Thắng để giải quyết nhưng S không đến, chị P gọi điện lại nhưng không được nên đã trình báo sự việc với cơ quan Công an. Đến khoảng 15 giờ 00 ngày 11/4/2019, Công an phường Phúc Thắng phát hiện, thu giữ chiếc xe máy điện nhãn hiệu TAKUDA màu trắng, BKS 88MĐ8 – xxx.xx, tại nhà anh Nguyễn Đăng B.

Trong giai đoạn điều tra bị cáo Nguyễn Anh S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với ông Dương Đình T, khi cho S đổi chiếc xe của chị P lấy xe của chị D, ông T không biết chiếc xe máy điện BKS 88MĐ8 -xxx.xx là tài sản do S phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Ngày 03/5/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Phúc Yên ra kết luận số 32/KL-HĐĐGTS, xác định 01 xe máy điện màu trắng BKS: MĐ8 - xxx.xx đã qua sử dụng, nhãn hiệu TAKUDAS có giá trị 7.000.000 đồng.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự

Ngày 11/4/2019, công an Phường Phúc Thắng đến chỗ ông T làm thuê để thu xe như ông Tuấn không có mặt, anh Nguyễn Đăng B, là người quản lý công ty nơi ông T làm thuê đã giao nộp cho Cơ quan công an chiếc xe máy điện màu trắng BKS: 88MĐ8-xxx.xx đã qua sử dụng, nhãn hiệu TAKUDAS. Ngày 18/5/2019, cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại cho chị Lê Thị Hoài P chiếc xe máy điện trên, chị P nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Chiều ngày 11/4/2019, bị cáo S đến chỗ ông T để lấy xe máy điện nhưng chiếc xe đã bị Cơ quan Công an thu giữ. Bị cáo S trả cho ông T số tiền 4.000.000 đồng cầm cố xe, đây là tiền của chị D đưa cho bị cáo trả ông T, chị D không yêu cầu S phải trả lại số tiền 4.000.000đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 63/CT - VKSPY ngày 12 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố Nguyễn Anh S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm b, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1,2 và 5 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách gấp đôi.

Tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại gì, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì về các hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra và của Tòa án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bản thân bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo biết mình đã sai và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Anh S thừa nhận hành vi: Ngày 08/04/2019, tại khu vực tổ 3, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, sau khi Nguyễn Anh S nhận chiếc xe máy điện nhãn hiệu TAKUDAS BKS: 88MD8 - xxx.xx của chị Lê Thị Hoài P để sửa chữa nhưng S không đem xe đi sửa chữa mà đem chiếc xe trên đi cầm cố lấy tiền và việc S đem xe đi cầm cố không được sự đồng ý của chị P. Đến hết thời hạn trả lại xe cho chị P, bị cáo không có khả năng trả lại xe. Chiếc xe bị cáo bị chiếm đoạt trị giá 7.000.000đồng(*bảy triệu đồng*).

[2] Xét lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận hành vi bị cáo lợi dụng lòng tin của chị P giao xe cho bị cáo đi sửa chữa nhưng bị cáo không đem sửa mà đem cầm cố chiếc xe trên để lấy tiền tiêu và không có khả năng trả lại xe cho

chị P. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe của chị Lê Thị Hoài P có giá 7.000.000 đồng đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm. Vì vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo theo Cáo trạng: 63/CT - VKSPY ngày 12 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu của chị P, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo ra xét xử để giáo dục riêng, phòng ngừa chung và phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương.

[4] Xét nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù ngày 21/6/2013 bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Phúc Yên ra Quyết định số 1228/QĐ - CT áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời hạn 12 tháng nhưng ngày 24/6/2014 bị cáo chấp hành xong nên xác định bị cáo chưa tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội, bị cáo đã nhờ vợ tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả trả lại cho ông T 4.000.000 đồng tiền cầm cố xe. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Về tình tiết tăng nặng, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xét thấy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ để răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, nhưng tại biên bản xác minh ngày 07/6/2019, địa phương cung cấp bị cáo S sống cùng mẹ, bản thân bị cáo lao động tự do, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Ngày 18/5/2019, cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên đã trả lại cho chị Lê Thị Hoài P chiếc xe máy điện nhãn hiệu TAKUDAS BKS: 88MĐ8 - xxx.xx, chị P nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chiều ngày 11/4/2019, bị cáo S đến chỗ ông T trả lại số tiền 4.000.000đồng, ông T không có yêu cầu gì khác. Số tiền 4.000.000 đ bị cáo trả ông T là của chị D (vợ bị cáo), chị D không yêu cầu bị cáo S trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với ông Dương Đình T, khi cho S đổi chiếc xe của chị P lấy xe của chị D, ông T không biết chiếc xe máy điện BKS 88MĐ8 -xxx.xx là tài sản do S phạm tội mà có nên không đề cập xử lý ông T là có căn cứ.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo S phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i và s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1,2 và 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh S 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Anh S cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Anh S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Ủy ban nhân dân phường Trưng Nhị;
- Lưu HS, V.P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh